

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS-PT
Ngày: 27/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải, Bà Đỗ Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Tiên - Thư ký TAND tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thành T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2021/HS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố QN.

- Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN THÀNH T, sinh năm 1997 tại QN, Bình Định; nơi cư trú: Tổ 1A, khu vực 12, phường NM, TP. QN, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành S, sinh năm 1965 và bà Trần Thị A, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2020. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Nguyễn Thành T đã nảy sinh ý định tìm những nơi có dịch vụ cho thuê xe mô tô để thuê rồi mang đi cầm cố nhằm chiếm đoạt tài sản. Trong thời gian từ ngày 03/3/2020 đến ngày 17/3/2020, Nguyễn Thành T đã thực hiện 03 lần chiếm đoạt 03 xe mô tô trên địa bàn TP. QN, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 03/3/2020, Nguyễn Thành T lên mạng Facebook thấy dịch vụ cho thuê xe máy “An S” ở 238 TBH, TP. QN nên đến gặp

chị Giáp Bảo T1 là chủ tiệm, hỏi thuê xe. Chị T1 đã cho T thuê xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đen – vàng biển số 77L1-179.77, với số tiền 120.000 đồng/ngày, thời hạn hợp đồng là 01 tháng; cứ 05 ngày thanh toán tiền một lần. T lấy xe mô tô, để lại CMND (photo) của T và T đã thanh toán trước số tiền 600.000 đồng cho chị T1. Sau khi thuê được xe, T điện thoại cho một người tên P (không rõ lai lịch, T không nhớ số điện thoại của P) nói đang cần tiền để lo công việc nên thế chấp chiếc xe trên với số tiền 5.000.000 đồng. P hỏi: “Xe của ai” thì T nói dối “Xe của T” nên P đồng ý nhận cầm cố. T đem xe đến hẻm đường LTN, TP. QN giao cho P và kèm theo CMND photo của T và viết giấy mượn tiền. Số tiền có được từ việc cầm cố xe, T tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan CSĐT Công an TP. QN đã xác minh nhưng không rõ lai lịch của P nên không thu hồi được xe mô tô trên.

Ngày 14/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. QN kết luận: Xe mô tô Honda Airblade màu vàng – đen trị giá 10.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 09/3/2020, Nguyễn Thành T điện thoại cho Bùi Anh D nói có nhu cầu cần thuê xe máy để đi công việc, D đồng ý và hẹn nhau giao xe trước Chung cư Simona, P. NM, TP. QN. Sau đó, D đến địa điểm trên giao cho T xe mô tô Honda Airblade, màu cam – đen biển số 77L1-703.43, thỏa thuận tiền thuê xe là 110.000 đồng/ngày; cứ 05 ngày thanh toán tiền 01 lần, thời hạn hợp đồng 01 tháng. Do quen biết nhau từ trước nên D và T chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Sau khi thuê xe, T điện thoại cho Lâm Phi C nói dối có công việc nên mượn C số tiền 15.000.000 đồng và để lại chiếc xe trên để làm tin. Vì quen biết với nhau nên C đồng ý. T hẹn C đến quán cà phê Zenta trên đường XT, P. QT, TP. QN để giao xe, lấy số tiền 15.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền, hẹn 01 tháng sau sẽ trả. C hỏi: “Xe của ai” thì T trả lời “Xe của T”. Sau khi lấy được số tiền trên, T tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 15/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. QN kết luận: Xe mô tô Honda Airblade màu cam – đen – xám biển số 77L1-703.43 trị giá 22.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Chiều ngày 17/3/2020, T tiếp tục điện thoại cho D hỏi thuê thêm 01 chiếc xe mô tô và nói dối cho bạn mượn đi lại thì D đồng ý đem chiếc xe mô tô Honda Airblade, màu vàng – đen biển số 77L2-121.29 đến quán cà phê Trúc Lan Viên đường TN, TP. QN giao cho T. Cả hai thỏa thuận về việc thuê xe như lần trước. Sau khi thuê được chiếc xe trên, T điện thoại cho Trần Toàn T2 nói dối rằng có công việc cần mượn số tiền 7.000.000 đồng và để lại chiếc xe trên để làm tin. Do quen biết nhau nên T2 đồng ý và bảo T đem xe đến hẻm đường TTK, P. NM, TP. QN. T gặp T2 giao chiếc xe trên, lấy số tiền 7.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền, thời hạn 01 tháng sẽ trả lại. T2 hỏi “Xe của ai” thì T trả lời “Xe của T”. Sau khi lấy được số tiền trên T tiêu xài cá nhân hết và bỏ trốn đi nơi khác đồng thời tắt điện thoại.

Ngày 15/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. QN kết luận xe mô tô Hoda Airblade màu vàng – đen biển số: 77L2-121.29 trị giá 20.000.000 đồng.

Trong thời gian thuê 02 chiếc xe trên, T đã đưa cho anh D tổng cộng 4.950.000 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền thuê xe. Đến ngày 30/3/2020, anh D điện thoại cho T nhưng T tắt điện thoại không liên lạc được nên D đến Công an P. NM báo cáo về việc bị T lừa đảo chiếm đoạt 02 xe mô tô nói trên. Ngày 12/4/2020, Lâm Phi C giao nộp xe mô tô 77L1-703.43 cho Công an P. NM. Đối với xe mô tô 77L2-121.29, Trần Toàn T2 sử dụng để đi lại, đến ngày 24/3/2020, T2 đã vi phạm Luật Giao thông đường bộ nên Công an TP. QN tạm giữ xe mô tô trên, sau đó đã chuyển cho Cơ quan CSĐT Công an TP. QN để xử lý.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an TP. QN đã tạm giữ 02 xe mô tô 77L1-703.43, 77L2-121.29. Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô 77L1-703.43, 77L2-121.29 cho anh Bùi Anh D.

Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho chị Giáp Bảo T1 số tiền 10.000.000 đồng, chị T1 và anh Th không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Bùi Anh D đã nhận lại 02 xe mô tô bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Lâm Phi C yêu cầu T hoàn trả số tiền 15.000.000 đồng; anh Trần Toàn T2 yêu cầu T hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng, đến nay, T chưa hoàn trả theo yêu cầu của anh C và anh T2.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HSST ngày 02/03/2021 của Tòa án nhân dân thành phố QN đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

- Ngày 08/3/2021, bị cáo Nguyễn Thành T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thành T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố QN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố QN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau: Do muốn có tiền tiêu xài và trả nợ, Nguyễn Thành T tìm đến các cơ sở dịch vụ cho thuê xe trong địa bàn thành phố QN, nói dối là thuê xe để làm phương tiện đi lại. Sau khi thuê được xe mô tô, T mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài rồi bỏ trốn. Trong khoảng thời gian từ ngày 03/3/2020 đến ngày 17/3/2020, với thủ đoạn gian dối nêu trên T đã chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đen – vàng, biển số 77L1-179.77 trị giá 10.000.000 đồng của chị Giáp Bảo T1; chiếm đoạt 02 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu cam – đen biển số 77L1-703.43 và xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu vàng – đen biển số 77L2-121.29 của anh Bùi Anh D, trị giá hai xe mô tô 42.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 52.000.000 đồng. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T xin giảm nhẹ hình phạt, hội đồng xét xử thấy rằng: Với mục đích chiếm đoạt tài sản của các cơ sở dịch vụ cho thuê xe mô tô, bị cáo Nguyễn Thành T đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách nói dối với chị Giáp Bảo T1, anh Bùi Văn D là chủ các cơ sở cho thuê xe mô tô, cho bị cáo T thuê xe để làm phương tiện đi lại, sau khi thuê được xe bị cáo mang đi cầm cố lấy tiền rồi bỏ trốn. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 52.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo 02 năm tù khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Do đó, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm

[2] Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2020.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT CA thành phố QN;
- Cơ quan THAHS CA thành phố QN;
- Chi cục THADS thành phố QN;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Xuân